TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2023/DS-PT
Ngày: 18-04- 2023
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản và đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tr **Văn Đạt.**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lưu Thị Loan**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Mai Thị Đào Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản và đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 231/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 507/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Văn Tr, sinh năm 1961 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: A5/6F, ấp 1, xã VLB, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Trần Văn Q,sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ (HKTT): Ấp 3B, xã HT, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Tạm trú: Ấp Gò Táo, xã TĐ, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thị Kim Ch(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ngọc Dung) - sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp VT, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Trường G, sinh năm 1987 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp VT, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị Kim Ch(tên gọi khác: Nguyễn Thị Ngọc D)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn Tr và người đại diện ủy quyền của ông Tr là anh Trần Quang V trình bày: Năm 2020, ông Trnhiều lần cho vợ chồng anh Trần Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim Ch vay tiền để làm ăn, tổng cộng số tiền gốc là 465.000.000 đồng, với các lần vay như sau:

1/ Ngày 24/02/2020, vay 50.000.000 đồng.

2/ Ngày 28/02/2020, vay 20.000.000 đồng.

3/ Ngày 12/4/2020, vay 50.000.000 đồng.

4/ Ngày 28/6/2020, vay 50.000.000 đồng.

5/ Ngày 08/7/2020, vay 30.000.000 đồng.

6/ Ngày 28/8/2020, vay 20.000.000 đồng.

7/ Ngày 09/10/2020, vay 80.000.000 đồng.

8/ Ngày 20/10/2020, vay 30.000.000 đồng.

9/ Ngày 26/10/2020, vay 10.000.000 đồng.

10/ Ngày 03/11/2020, vay 10.000.000 đồng.

11/ Ngày 23/11/2020, vay 100.000.000 đồng.

12/ Ngày 15/12/2020, vay 15.000.000 đồng.

Các lần vay trên, hai bên đều thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng và có lập biên nhận nợ do anh Q và chị Ch (tên gọi khác là: Nguyễn Thị Ngọc D) cùng ký tên, có biên nhận chỉ riêng chị Ch ký tên.

Ngày 23/11/2020, chị Ch có viết giấy thế chấp và đưa cho ông Trgiữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09163 ngày 20/10/2020 đối với thửa đất số 134, tọa lạc ấp VT, xã Bình Nghị do chị đứng tên để làm tin. Đến ngày 24/10/2021, chị Ch xin nhận lại bản chính giấy chứng nhận nêu trên và thay thế bằng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04583 ngày 16/12/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp cho anh Nguyễn Trường G đối với thửa đất số 88, tọa lạc ấp VT, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đưa cho ông Trần giữ, được sự đồng ý của anh G.

Sau khi vay, anh Q và chị Ch không thanh toán nợ cho ông Trđúng như thỏa thuận nên ông Trcó gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã Bình Nghị yêu cầu giải quyết thì ngày 24/11/2021, chị Ch hẹn đến ngày 30/11/2021 sẽ trả trước 300.000.000 đồng nhưng đến hạn chị vẫn không trả nên ông Trkhởi kiện. Nay ông Tr yêu cầu anh Q và chị Ch cùng có nghĩa vụ trả tổng số tiền nợ vốn vay là 465.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng, tính từ khi vay đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/9/2022, thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Tr đồng ý hoàn trả cho anh G bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04583 ngày 16/12/2014 nêu trên theo quy định pháp luật. Ngoài ra, ông Tr không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Ch trình bày: Vợ chồng chị và ông Tr là bạn bè thân thiết nên năm 2020 ông Tr có cho vợ chồng chị vay tiền để kinh doanh quán ăn, tổng cộng số tiền vốn là 465.000.000 đồng, với các lần vay như đại diện nguyên đơn trình bày. 02 lần vay vào ngày 24/02/2020 và ngày 28/02/2020 thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng và 10 lần vay tiếp theo thì đều thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Khi đó, vợ chồng chị sinh sống và kinh doanh tại quê nhà anh Q ngụ ấp 3B, xã HT, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên các lần vay trên anh chị đều nhận tiền tại nhà ông Tr ở Long An. Các lần vay trên đều do chị trực tiếp vay và ký tên nhận nợ nhưng chị không ký tên *"Nguyễn Thị Kim Ch"* mà ký tên là *"Nguyễn Thị Ngọc D"*. Riêng lần vay ngày 24/02/2020 và ngày 28/6/2020 thì anh Q cùng ký tên với chị trong biên nhận nợ. Chị xác định các chữ ký nhận nợ *"Trần Văn Q"* trong các Giấy mượn tiền đề ngày 25/02/2020, ngày 28/6/2020 đều là do anh Q ký. Số tiền vay còn lại trong các biên nhận nợ không có chữ ký của anh Q nhưng anh Q vẫn biết việc chị vay các khoản nợ này của ông Trđể vợ chồng cùng kinh doanh chung.

Ngày 23/11/2020, chị có đưa cho ông Tr giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 134 tọa lạc ấp VT, xã Bình Nghị do chị đứng tên để làm tin. Đến năm 2021, chị đã nhận lại bản chính giấy chứng nhận này để thế chấp vay vốn ngân hàng và đưa cho ông Trgiữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 88 tọa lạc ấp VT, xã Bình Nghị do cháu của chị là anh Nguyễn Trường G đứng tên.

Sau khi vay, ngày 24/11/2020, chị có trả được cho ông Tr 50.000.000 đồng tiền nợ gốc nhưng khi đó ông Tr không ghi giấy trừ nợ gốc cho chị mà nói để trừ lãi. Khoảng tháng 9-10/2021 (âm lịch) chị có trả thêm cho ông Tr 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản cho chị Huỳnh Thanh Th, 57 tuổi ngụ ấp 4, xã HT, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để nhờ chị Thủy trả dùm ông Tr. Tháng 12/2021 (âm lịch) chị có trả thêm cho ông Tr 20.000.000 đồng do chị đưa tiền trực tiếp cho chị Th để nhờ chị Th trả dùm cho ông Trần.

Nay chị xác định chỉ còn nợ ông Tr tổng số tiền nợ vốn là 375.000.000 đồng và tiền nợ lãi từ đầu năm 2021 đến nay. Nay chị nhận trả hết khoản nợ này cho ông Tr 01 lần vào ngày 18/10/2022; đồng thời chị yêu cầu khi chị trả hết nợ thì ông Tr phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho anh G.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trường G trình bày: Chị Ch là cô ruột của anh. Anh có biết ông Tr vì trước đây anh có phụ quán cho chị Ch ở Long An và anh biết vợ chồng chị Ch có vay tiền của ông Tr nhưng vay bao nhiêu thì anh không biết. Cuối năm 2021, anh có đồng ý đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 88 tọa lạc ấp VT, xã Bình Nghị do anh đứng tên để chị Ch thế chấp cho ông Tr. Nay anh yêu cầu ông Trtrả lại anh bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên khi chị Ch trả xong nợ. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 231/2022/DS-ST ngày 20 tháng 09 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang áp dụng Khoản 2 Điều 131 và các Điều 463, 466, 468 và 502 Bộ luật Dân sự năm 2015;Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 2 Luật người cao tuổi; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 và khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Trần Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim Ch cùng có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn Tr tổng số tiền còn nợ là 663.104.400 đồng *(Sáu trăm sáu mươi ba triệu một trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm đồng),* gồm 465.000.000 đồng tiền nợ vốn và 198.104.400 đồng tiền nợ lãi. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/9/2022 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Trường G. Buộc ông Phạm Văn Tr có nghĩa vụ trả lại cho anh G bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04583 ngày 16/12/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp cho ông Nguyễn Văn H, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

huyện Gò Công Đông xác nhận chỉnh lý biến động ngày 23/10/2020 cấp lại cho anh Nguyễn Trường G đối với quyền sử dụng thửa đất số 88 tọa lạc ấp VT, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Thực hiện ngay khi anh Q và chị Ch thanh toán hết số nợ trên cho ông Trần.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/10/2022, bị đơn Nguyễn Thị Kim Ch có kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Chị Ch chỉ đồng ý trả cho ông Tr số tiền nợ là 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Nguyễn Thị Kim Ch có thay đổi yêu cầu kháng cáo: Chị Ch Đồng ý trả cho ông Tr số tiền vay 465.000.000 đồng, xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Bị đơn Trần Văn Q vắng mặt không rõ lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Riêng đối với anh Q không chấp hành theo giấy triệu tập vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm chị Ch xin trả dần, ông Tr vắng mặt tại phiên tòa nên không có cơ sở xem xét yêu cầu xin trả dần của chị Ch, đồng thời chị Ch cũng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị Kim Ch lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản và đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" là có căn cứ đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn Nguyễn Thị Kim Ch có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ông Trần Văn Q đã được tòa án tống đạt giấy triệu tập dự phiên tòa phúc thẩm nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do. Ông Phạm Văn Tr và anh Nguyễn Trường G có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q, ông Tr và anh G theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Pham Văn Tr là bạn bè thân thuộc với vợ chồng Trần Văn Q - Nguyễn Thị Kim Ch. Từ tháng 02/2020 đến tháng 12/2020 vợ chồng anh Q, chị Ch có vay của ông Tr 12 lần tiền tổng cộng là 465.000.000đồng, thời hạn vay là 06 tháng lãi suất 2%/ tháng. Tất cả các lần vay đều có làm biên nhận do chị Ch ký tên và ghi họ tên là Nguyễn Thị Ngọc D, trong số 12 tờ biên nhận nêu trên thì có 02 tờ biên nhận ký tên chung vợ chồng là chị Ch – anh Q. Đến hạn trả nợ nhưng anh Q – chị Ch không trả nợ nên ông Trkhởi kiện yêu cầu trả nợ và lãi phát sinh. Chị Ch thừa nhận toàn bộ số nợ trên do vợ chồng chị vay của ông Tr để làm vốn làm ăn. Chị Ch trình bày đã trả cho ông Tr được 90.000.000 đồng, trong đó chị trả cho ông Tr 50.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng là chị nhờ người tên T trả cho ông Tr 02 lần, mỗi lần 20.0000.000 đồng, nay chị Ch đồng ý trả 375.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Anh Q thì vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tr. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử buộc chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Trần Văn Q trả cho ông Tr số tiền 663.104.400 đồng (gồm 465.000.000 đồng vốn vay và 198.104.400 đồng tiền lãi) thì chị Ch kháng cáo bản án sơ thẩm, chị Ch chỉ đồng ý trả cho ông Trsố tiền vốn vay 375.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Kim Ch, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Đối với số tiền vốn vay tổng số 465.000.000 đồng được ông Tr chứng minh bằng 12 tờ biên nhận nợ và được chị Kim Ch thừa nhận có vay và ký tên, nên đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế phát sinh với số tiền vốn vay là 465.000.000 đồng

[3.2] Đối với số tiền chị Ch trình bày đã trả cho ông Tr số tiền 50.000.000 đồng (trả trực tiếp) và 40.000.000 đồng nhờ bà Thủy trả dùm nhưng chị Ch không có chứng cứ chứng minh, không được ông Trthừa nhận. Chị Ch cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của Bà T để Tòa án sơ thẩm tiến hành thu thập chứng cứ, nên lời trình bày của chị Ch không có cơ sở để chấp nhận. Cho nên, tòa án sơ thẩm không chấp nhận nời trình bày của chị Ch là đúng pháp luật,

do chị Ch không có chứng cứ chứng minh và ông Tr không thừa nhận có nhận tiền. Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào từng lần vay tiền để tính lãi suất vay theo qui định của pháp luật với lãi suất 1,66%/ tháng đối với từng lần vay cụ thể, tổng số tiền lãi phát sinh 198.104.400 đồng là đúng theo hướng dẫn tại qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3.3] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Quá trình tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án thì ông Q vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần. Chị Ch nại ra rằng khi ly hôn thì chị Ch thỏa thuận với ông Q rằng chị Ch sẽ chịu trách nhiệm trả nợ. Xét thấy, số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Ch và ông Q, chị Ch trình bày vay tiền để vợ chồng làm ăn. Số nợ phát sinh vào năm 2020, đến năm 2022 chị Ch và ông Q thuận tình ly hôn, tại quyết định ly hôn cũng ghi nhận là " tài sản chung và nợ chung : không có" . Do đó, tòa án sơ thẩm buộc chị Ch và ông Q liên đới trả nợ là có căn cứ. Sau khi tòa sơ thẩm xét xử buộc chị Ch và ông Q liên đới trả nợ thì ông Q cũng không kháng cáo bản án sơ thẩm. Do đó, việc chị Ch đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ nhưng không có sự đồng ý của nguyên đơn nên không có cơ sở xem xét.

[4] Từ những căn cứ như trên, xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Chị Ch kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh, nên kháng cáo của chị Ch là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đươc chấp nhận .

[6] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của chị Ch nên chị Ch phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

[7] Về nghĩa vụ chậm thi hành án : Tòa án sơ thẩm đã tuyên "*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/9/2022 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án".* Xét thấy, việc Tòa án sơ thẩm quyết định nghĩa vụ chậm thi hành án như trên là chưa phù hợp. Bởi lẽ, căn cứ vào các biên nhận vay tiền và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì các bên đương sự không có thỏa thuận với nhau về lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Cho nên , Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại phần nghĩa vụ chậm thi hành án, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu

phải thi hành đối với phần tiền chậm thực hiện nghĩa vụ còn phải chịu lãi theo lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 131 và các Điều 463, 466, 468 và 502 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 và khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim Ch, giữ nguyên bản án dân sự số 231/2022/DS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc anh Trần Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim Ch cùng có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn Tr tổng số tiền còn nợ là 663.104.400 đồng *(Sáu trăm sáu mươi ba triệu một trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm đồng),* gồm 465.000.000 đồng tiền nợ vốn và 198.104.400 đồng tiền nợ lãi. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày Ông Phạm Văn Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim Ch chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Trường G. Buộc ông Phạm Văn Tr có nghĩa vụ trả lại cho anh G bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04583 ngày 16/12/2014 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp cho ông Nguyễn Văn Hoàng, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Đông xác nhận chỉnh lý biến động ngày 23/10/2020 cấp lại cho anh Nguyễn Trường G đối với quyền sử dụng thửa đất số 88 tọa lạc ấp VT, xã Bình Nghị, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Thực hiện ngay khi anh Q và chị Ch thanh toán hết số nợ trên cho ông Trần.

4.Về chi phí tố tụng: Anh Trần Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim Chcó trách nhiệm hoàn trả lại ông Phạm Văn Tr chi phí tố tụng với số tiền là 1.700.000 đồng. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

5.Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Kim Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị Ch nộp theo biên lai thu số 0028205 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh Q và chị Ch có nghĩa vụ liên đới chịu 30.524.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại anh G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007960 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

- Ông Trđược miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt